

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ



**NỘI DUNG
ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025
KHỐI 8**

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

STT	Môn	Trang
1	Công nghệ	2
2	Khoa học tự nhiên	3
3	Địa lý	6
4	Lịch sử	8
5	Tin học	8
6	GDCD	11
7	Âm nhạc	11
8	Thể dục	11
9	Mỹ thuật	11
10	Ngữ văn	12
11	Tiếng Anh	13
12	Giáo dục địa phương	17
13	Hoạt động trải nghiệm	17
14	Toán	18

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ**

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025 – KHỐI 8**

MÔN CÔNG NGHỆ

I. Nội dung:

Câu 1. Nêu tên các thành phần chính của mạch điện điều khiển đèn LED sử dụng mô đun cảm biến ánh sáng?

Câu 2. Nêu một số yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực kỹ thuật điện?

Câu 3. Trong các nghề sau, nghề nào liên quan đến kỹ thuật?

Kiến trúc sư cảnh quan, người vẽ bản đồ, nhà thiên văn học, kỹ thuật thiết bị hình ảnh, nhà thiết kế nội thất, kiến trúc sư xây dựng, kiểm tra an ninh hàng không, lắp ráp ô tô, thợ lắp kính, nhà thiết kế công nghiệp và sản phẩm, nhà thiết kế trang sức

Câu 4. Thiết kế kỹ thuật gồm những bước cơ bản nào? Bước nào quyết định sản phẩm được hoàn thiện tiếp hay phải điều chỉnh lại?

Câu 5. Hãy tìm hiểu về công việc cụ thể của một người làm nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện ở khu vực nơi em sống?

II. Câu hỏi minh họa:

Câu 1. Thiết kế kỹ thuật có vai trò chính nào?

A. Phát triển sản phẩm

B. Phát triển công nghệ

C. Phát triển sản phẩm và phát triển công nghệ

D. Đáp án khác

Câu 2. Thiết kế kỹ thuật có mấy vai trò chính?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 3. Nhiệm vụ của nghề kiến trúc sư xây dựng là gì?

A. Tư vấn và thiết kế các công trình như cầu, đập, bến cảng, ...

B. Xây dựng mới hoặc sửa đổi các lý thuyết, phương pháp và đưa ra lời khuyên về chính sách liên quan đến kiến trúc cảnh quan.

C. Nghiên cứu và phân tích không gian, chức năng, hiệu quả, an toàn và yêu cầu thẩm mỹ

D. Hình thành các khái niệm thiết kế cho quần áo, dệt may, các sản phẩm công nghiệp, thương mại và tiêu dùng và đồ trang sức.

Câu 4. Nhiệm vụ của nghề kiến trúc sư cảnh quan là gì?

A. Tư vấn và thiết kế các công trình như cầu, đập, bến cảng, ...

B. Xây dựng mới hoặc sửa đổi các lý thuyết, phương pháp và đưa ra lời khuyên về chính sách liên quan đến kiến trúc cảnh quan.

C. Nghiên cứu và phân tích không gian, chức năng, hiệu quả, an toàn và yêu cầu thẩm mỹ

D. Hình thành các khái niệm thiết kế cho quần áo, dệt may, các sản phẩm công nghiệp, thương mại và tiêu dùng và đồ trang sức.

Câu 5. “Xác định và tìm giải pháp tốt nhất cho các vấn đề liên quan đến chức năng và chất lượng của môi trường bên ngoài và đưa ra các thiết kế, bản vẽ và kế hoạch cần thiết” là nhiệm vụ của nghề nào sau đây?

A. Kiến trúc sư xây dựng

B. Kiến trúc sư cảnh quan

C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất

D. Nhà thiết kế sản phẩm và may mặc

Câu 6. “Xác định và chỉ rõ các biện pháp thi công, vật liệu, tiêu chuẩn chất lượng và chỉ đạo công việc xây dựng” là nhiệm vụ của nghề nào sau đây?

A. Kiến trúc sư xây dựng

B. Kiến trúc sư cảnh quan

C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất

D. Nhà thiết kế sản phẩm và may mặc

Câu 7. Quy trình thiết kế kỹ thuật gồm mấy bước?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 6

Câu 8. Bước 1 của quy trình thiết kế kỹ thuật là:

A. Xác định vấn đề, xây dựng tiêu chí

B. Tìm hiểu tổng quan, đề xuất giải pháp

C. Xây dựng nguyên mẫu

D. Thử nghiệm, đánh giá

Câu 9. Bước 2 của quy trình thiết kế kĩ thuật là:

- A. Xác định vấn đề, xây dựng tiêu chí B. Tìm hiểu tổng quan, đề xuất giải pháp
C. Xây dựng nguyên mẫu D. Thử nghiệm, đánh giá

Câu 10. “Thử nghiệm và đánh giá” thuộc bước nào của quy trình thiết kế kĩ thuật?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 11. “Xây dựng nguyên mẫu” thuộc bước nào của quy trình thiết kế kĩ thuật?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 5

Câu 12. Hồ sơ kĩ thuật có:

- A. Bản vẽ kĩ thuật chế tạo sản phẩm
B. Tài liệu hướng dẫn sử dụng
C. Tài liệu lắp đặt
D. Bản vẽ kĩ thuật để chế tạo sản phẩm, tài liệu liên quan đến hướng dẫn sử dụng, lắp đặt, vận hành và sửa chữa sản phẩm.

Câu 13. Cảm biến là thiết bị cảm nhận và biến đổi đại lượng:

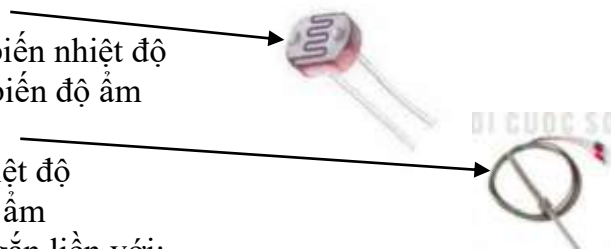
- A. Vật lí B. Hóa học C. Sinh học D. Vật lí, hóa học, sinh học

Câu 14. Cảm biến là thiết bị cảm nhận và biến đổi đại lượng cần đo là:

- A. Nhiệt độ B. Độ ẩm C. Ánh sáng D. Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng

Câu 15. Cho biết tên gọi của loại cảm biến sau?

- A. Cảm biến ánh sáng B. Cảm biến nhiệt độ
C. Cảm biến màu sắc D. Cảm biến độ ẩm



Câu 16. Cho biết tên gọi của loại cảm biến sau?

- A. Cảm biến ánh sáng B. Cảm biến nhiệt độ
C. Cảm biến màu sắc D. Cảm biến độ ẩm

Câu 17. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật điện gắn liền với:

- A. Sản xuất điện B. Phân phối điện
C. Sử dụng điện D. Sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng điện

Câu 18. Nghề nghiệp nào sau đây thuộc lĩnh vực kĩ thuật điện?

- A. Kĩ sư điện B. Kĩ thuật viên kĩ thuật điện
C. thợ lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện D. Cả 3 đáp án trên

Câu 19. Nghề nào thuộc ngành nghề kĩ thuật viên kĩ thuật điện?

- A. Kĩ sư cơ điện B. Kĩ thuật viên kĩ thuật truyền tải điện
C. thợ lắp đặt đường dây điện D. thợ sửa chữa điện gia dụng

Câu 20. Nghề nào thuộc ngành nghề thợ lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện?

- A. Kĩ sư cơ điện B. Kĩ thuật viên kĩ thuật truyền tải điện
C. thợ lắp đặt đường dây điện D. Kĩ sư sản xuất điện

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI

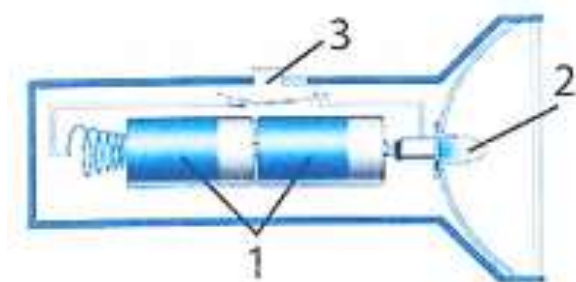
I. Lý thuyết ; Bài 20, Bài 21, Bài 22, Bài 23.

II. Bài tập.

- Giải thích hiện tượng thực tế về các tác dụng của dòng điện.
- Vẽ sơ đồ mạch điện, đổi đơn vị đo và biết cách đọc số chỉ của ampe kế, vôn kế

III, Một số bài minh họa.

Bài 1: Hình 22.3 mô tả các bộ phận của chiếc đèn pin ống. Các bộ phận trên đèn pin được đánh số 1, 2, 3 là những bộ phận gì? Hãy vẽ sơ đồ mạch điện và chỉ ra các bộ phận của mạch điện này.



Hình 22.3

Bài 2: Vẽ sơ đồ mạch điện gồm 1 nguồn điện, một đèn, một chuông, hai công tắc với yêu cầu sau:

- a, Đóng K_1 thì đèn sáng
- b, Đóng K_2 chuông kêu
- c, Đóng cả hai khóa thì đèn sáng và chuông kêu.

Bài 3: Hãy chỉ ra tác dụng của dòng điện trong các trường hợp sau đây:

- a) Trong phòng được chiếu sáng bởi bóng đèn điện.
- b) Đun nước bằng ấm điện.
- c) Là quần áo bằng bàn là điện.
- d) Mạ vàng hoặc mạ bạc một vật bằng kim loại.
- e) Trang trí cây thông ngày Tết bằng các đèn LED.

Bài 4: Hãy liệt kê các trường hợp ứng dụng tác dụng nhiệt và tác dụng hoá học của dòng điện mà em biết.

Bài 5: Cho các dụng cụ gồm: hai nguồn điện mắc nối tiếp, công tắc, đèn LED, ampe kế, vôn kế. Hãy vẽ sơ đồ mạch điện để ampe kế có thể đo được cường độ dòng điện chạy qua đèn và vôn kế đo được hiệu điện thế giữa hai đầu của đèn LED.

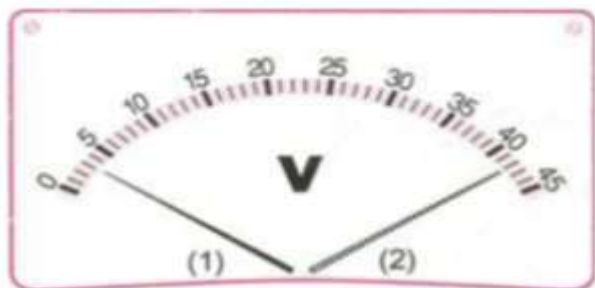
Bài 6: Cho các Ampe kế với giới hạn đo như sau: 1, 2mA; 2, 20mA; 3, 250mA; 4, 2A. Hãy cho biết Ampe kế nào đã cho là phù hợp nhất để đo mỗi cường độ dòng điện sau đây: a, 15mA; b, 0,15A; c, 1,2A

Bài 7: Đổi đơn vị cho các giá trị sau:

0,025 A = mA 325 mA = A 6kV =mV

2,5V =Mv 110V =kV

Bài 8: Quan sát mặt số của một dụng cụ đo điện được vẽ trên hình dưới đây.



- a, Dụng cụ này có tên gọi là gì? Kí hiệu nào trên dụng cụ cho biết điều đó?
- b, Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của dụng cụ?
- c, Kim của dụng cụ ở vị trí (1) có giá trị bao nhiêu?
- d, Kim của dụng cụ ở vị trí (2) có giá trị bao nhiêu?

B. PHẦN CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT

I. LÝ THUYẾT. Tính chất, tên gọi và phân loại: Oxide-acid-base-muối

II. BÀI TẬP MINH HỌA.

Câu 1. Cho dung dịch sulfuric acid loãng tác dụng với muối Sodium sulfite (Na_2SO_3). Chất khí nào sinh ra ? A. Khí hydro B. Khí oxi C. Khí Sulfur dioxide D. Khí hydrogen sulfur

Câu 2. Các muối phản ứng được với dung dịch NaOH là:

- A. MgCl_2 , CuSO_4
- B. BaCl_2 , FeSO_4
- C. K_2SO_4 , ZnCl_2
- D. KCl , NaNO_3

Câu 3. Chất phản ứng được với CaCO_3 là: A. HCl B. NaOH C. KNO_3 D. Mg

Câu 4. Dãy các chất đều tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

A. Na_2CO_3 , CaSO_3 , $\text{Ba}(\text{OH})_2$. B. NaHCO_3 , Na_2SO_4 , KCl.

C. NaCl, $\text{Ca}(\text{OH})_2$, BaCO_3 . D. AgNO_3 , K_2CO_3 , Na_2SO_4

Câu 5. Cho 20 gam CaCO_3 vào 200 ml dung dịch HCl 3M. Số mol chất còn dư sau phản ứng là: A. 0,4 mol B. 0,2 mol C. 0,3 mol D. 0,25 mol

Câu 6. Cho các chất sau: CaO , H_2SO_4 , HCl, KOH, $\text{Fe}(\text{OH})_2$, FeSO_4 , CaSO_4 , HNO_3 , LiOH, MnO_2 , CuCl_2 , $\text{Al}(\text{OH})_3$, SO_2 . Số muối là : A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 7. Trong số những chất có công thức hoá học dưới đây, chất nào làm cho quì tím không đổi màu? A. HNO_3 B. NaOH C. $\text{Ca}(\text{OH})_2$ D. NaCl

Câu 8. Để nhận biết các dung dịch: HCl, NaOH, MgSO_4 ta dùng:

A. Quì tím B. Phenolphthalein C. Kim loại D. Phi kim

Câu 9. Cho 0,1 mol NaOH tác dụng với 0,2 mol HCl, sản phẩm sinh ra sau phản ứng là muối NaCl và nước. Khối lượng muối NaCl thu được là

A. 11,7 gam. B. 5,85 gam. C. 4,68 gam. D. 5,45 gam.

Câu 10. Khối lượng muối thu được khi cho 9,75 gam Zinc tác dụng với 9,8 gam sulfuric acid (H_2SO_4) là: A. 24,15 gam B. 19,32 gam C. 16,1 gam D. 17,71 gam

Bài 11. Viết công thức của các muối sau đây :

a) Barium chloride b) Calcium nitrate c) potassium sulfite d) Zinc phosphate

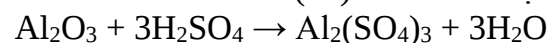
Bài 12. Hòa tan hoàn toàn 6,5 gam Zinc vào dung dịch hydrochloric acid HCl có chứa 7,3 gam HCl (vừa đủ). Sau phản ứng thu được dung dịch muối Zinc chloride và 0,2 gam khí Hydrogen.

a) Lập công thức hóa học của muối Zinc chloride. Biết Zinc chloride do hai nguyên tố là Zn và Cl tạo ra.

b) Tính khối lượng muối Zinc chloride tạo thành.

Bài 13. Cho 200g dung dịch KOH 5,6% vào dung dịch CuCl_2 dư, Tính khối lượng kết tủa thu được sau PƯ.

Bài 14. Aluminium (III) Oxide tác dụng với sulfuric acid theo phương trình phản ứng sau :



Tính lượng muối aluminium sulfate được tạo thành nếu đã sử dụng 49g sulfuric acid nguyên chất tác dụng với 60g aluminium Oxide. Sau phản ứng chất nào còn dư ? Lượng dư của chất đó là bao nhiêu ?

Bài 15. Trộn dung dịch có chứa 0,1 mol CuSO_4 và một dung dịch chứa 0,3 mol NaOH, lọc kết tủa, rửa sạch rồi đem nung đến khối lượng không đổi thu được m g chất rắn. Giá trị m là:

C. PHẦN VẬT SỐNG

I. LÝ THUYẾT. Bài 33,34,35,37,38,39,10.

II. BÀI TẬP MINH HỌA.

Câu 1: Có bao nhiêu cơ vòng ngăn cách giữa bóng đại và ống đại ? A. 2 B. 1 C. 3 D. 4

Câu 2: Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần tránh điều gì sau đây ?

A. Ăn quá mặn, quá chua B. Uống nước vừa đủ
C. Đi tiểu khi có nhu cầu D. Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm độc

Câu 3: Cơ quan giữ vai trò quan trọng nhất trong hệ bài tiết nước tiểu là

A. bóng đại. B. thận. C. ống dẫn nước tiểu. D. ống đại.

Câu 4: Trong nước tiểu đầu không chứa thành phần nào dưới đây ?

A. Hồng cầu B. Nước C. Ion khoáng D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 5: Tác nhân nào dưới đây có thể gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu ?

A. Khẩu phần ăn uống không hợp lí B. Vi sinh vật gây bệnh
D. Tất cả các phương án C. Các chất độc có trong thức ăn

Câu 6: Tuyến nội tiết nào có khối lượng lớn nhất trong cơ thể người ?

A. Tuyến giáp B. Tuyến tụy C. Tuyến yên D. Tuyến trên thận

Câu 7: Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn nào dưới đây ? A. GH B. Glucagon C. Insulin D. Adrênaline

Câu 8: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi

- A. Chúng là nơi ở của các sinh vật khác.
- B. Các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.
- C. Cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
- D. Cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.

Câu 9: Trong tự nhiên, nhân tố sinh thái tác động đến sinh vật

- A. Một cách độc lập với tác động của các nhân tố sinh thái khác
- B. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố sinh thái khác
- C. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố vô sinh
- D. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố hữu sinh

Câu 10: Những nhân tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng thường phụ thuộc vào mật độ của quần thể bị tác động là

- A. Nhân tố hữu sinh B. Nhân tố vô sinh
- C. Các bệnh truyền nhiễm D. Nước, không khí, độ ẩm, thực vật ưa sáng

Câu 11:

- a. Trình bày cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh; nêu vị trí của mỗi bộ phận.
- b. Lấy các ví dụ thể hiện vai trò của hệ thần kinh đối với cơ thể người.
- c. Vì sao người bị chấn thương ở phía sau gáy thường dễ gây tử vong ?

Câu 12: Giải thích vì sao những việc làm dưới đây có thể gây ra một số bệnh, tật về mắt.

- a) Đọc sách với khoảng cách gần, thiếu ánh sáng.
- b) Sử dụng các thiết bị điện tử (ti vi, máy tính) thời gian dài, liên tục.
- c) Dùng chung khăn mặt.

Câu 13. Để kéo dài sự sống cho những người bệnh suy thận, người ta thường phải chạy thận nhân tạo hoặc ghép thận. Em hãy giải thích tại sao. Kể tên một số loại thực phẩm phù hợp với người bị bệnh sỏi thận, suy thận và viêm cầu thận.

Câu 13. Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước, kiến, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, rắn hổ mang, áp suất không khí, cây gỗ, gỗ mục, gió thổi, cây cỏ, thảm lá khô, sâu ăn lá cây, độ tơi xốp của đất, lượng mưa. Hãy sắp xếp các nhân tố đó vào từng nhóm nhân tố sinh thái.

Câu 15. Tại sao bảo vệ môi trường sống của quần thể chính là bảo vệ quần thể? Cho ví dụ về việc bảo vệ môi trường sống của quần thể.

Câu 16: Cho các loài sinh vật gồm lim xanh, gấu trắng, bò, lạc đà, lúa nước, đước. Em hãy xác định loài đặc trưng tương ứng với các quần xã sinh vật: bấc cực. sa mạc, rừng ngập mặn.

MÔN ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 11: Phạm vi biển Đông. Vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.

Bài 12: Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam.

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Câu hỏi tự luận

1. Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam (địa hình, khí hậu, thủy văn)
2. Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.
3. Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.
4. Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc (vd)
5. Theo luật biển Việt Nam: các bộ phận của vùng biển Việt Nam (nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa) được quy định như thế nào?

2. Câu hỏi trắc nghiệm

1. Dạng 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

(HS trả lời từ câu 1 đến câu 16, mỗi câu hỏi HS chọn một phương án đúng).

VD: Chọn đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Vùng biển mà Nhà nước ta có chủ quyền toàn vẹn và đầy đủ là

- A. lãnh hải
- B. tiếp giáp lãnh hải
- C. thềm lục địa
- D. đặc quyền kinh tế

Câu 2. Vùng biển nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh, quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư là vùng

- A. lãnh hải
- B. tiếp giáp lãnh hải
- C. đặc quyền kinh tế
- D. thềm lục địa

2. Dạng 2: Câu trắc nghiệm đúng sai.

Cho đoạn văn bản sau:

Quần đảo Trường Sa của Việt Nam nằm về phía Nam Biển Đông, ở trong khoảng từ 6°30' đến 12° độ vĩ Bắc, 111°00' đến 117°20' độ kinh Đông; Cách vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 248 hải lý và cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) gần 600 hải lý.

Đây là quần thể gồm hơn 100 đảo, bãi ngầm, bãi san hô, trải rộng trên vùng biển khoảng 180.000 km² và án ngữ vùng biển rộng phía Đông Nam nước ta.

Trong các nhận định sau, nhận định nào đúng, nhận định nào sai?

Ghi vào bài làm chữ đúng/ sai với mỗi ý a, b, c, d.

- a. Quần đảo Trường Sa nằm trong hệ thống các đảo ven bờ của nước ta.
- b. Quần đảo Trường Sa có nhiều đảo được hình thành do san hô.
- c. Hệ thống các đảo ở Trường Sa có khí hậu ôn đới gió mùa hải hương
- d. Khoảng cách từ Trường Sa đến vịnh Cam Ranh gần hơn 2,4 lần khoảng cách đi đến đảo Hải Nam (Trung Quốc)

3. Một số câu hỏi gợi ý phần trắc nghiệm

Câu 1. Trong các vùng biển sau đây, vùng nào có diện tích lớn nhất?

Câu 2. Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía nào của VN và Phi lip pin?

Câu 3. Vùng biển Việt Nam không có bộ phận nào sau đây?

Câu 4. Có bao nhiêu điểm đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa Việt Nam và Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ.?

Câu 5. Vùng biển của Việt Nam thông qua hai đại dương lớn nào dưới đây?

Câu 6. Bờ biển Việt Nam dài ?

Câu 7. Độ muối trung bình của vùng biển nước ta là?

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây **không phải** của Biển Đông?

Câu 9. Phát biểu nào dưới đây **không đúng** khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

Câu 10. Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

Câu 11. Tài nguyên dầu khí phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía nam của khu vực

Câu 12. Tài nguyên khoáng sản biển có giá trị nhất là?

Câu 13. Để bảo vệ môi trường biển đảo, chúng ta **không nên** thực hiện giải pháp nào sau đây?

Câu 14. Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là

Câu 15. Biểu hiện nào sau đây thể hiện vai trò của biển đảo đối với kinh tế nước ta?

Câu 16. Một trong những yếu tố nhân tạo của môi trường biển là

Câu 17. So với môi trường trên đất liền, môi trường biển đảo có điểm gì khác biệt?

Câu 18. Phần lớn các đảo ven bờ đều có điều kiện thích hợp để phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm môi trường biển – đảo của nước ta hiện nay là do

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.

- Tỉ lệ phân môn: Lịch sử: 50%; Địa lí: 50%

- Tỉ lệ câu hỏi:

+ Trắc nhiệm: 50%

+ Tự luận: 50%

MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 14, 15, 16, 17.

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Cuộc Duy tân Minh Trị và cách mạng Tân Hợi có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Câu 2. Trình bày những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.

Câu 3. Nêu sự ra đời của nhà Nguyễn? Trình bày những nét chính về chính trị nhà Nguyễn?

Câu 4. Có quan điểm cho rằng: Nhà Nguyễn đã để lại di sản văn hóa đồ sộ. Em đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?

Câu 5. Trình bày quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.

III. NỘI DUNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 14, 15, 16, 17.

Một số câu hỏi minh họa:

Câu 1. Cách mạng Tân Hợi do tổ chức nào lãnh đạo?

- | | |
|------------------------------|--------------------|
| A. Trung Quốc Đồng minh hội. | B. Nghĩa hòa đoàn. |
| C. Đảng cộng sản. | D. Quốc dân đảng. |

Câu 2. Đây là một trong những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng.
 B. Đưa người sang học hỏi phương Tây.
 C. Công nghiệp hóa đất nước.
 D. Xóa bỏ chế độ nông nô.

Câu 3. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về tình hình chính trị ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX:

- a) Thực dân Anh thiết lập chính quyền cai trị trực tiếp tại Ấn Độ.
 b) Thực dân Anh xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến bản xứ.
 c) Anh khuyến khích mâu thuẫn tôn giáo và sắc tộc để chia rẽ nhân dân Ấn Độ.
 d) Ấn Độ đạt được nền độc lập hoàn toàn vào cuối thế kỉ XIX.

IV. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Trắc nhiệm: 50%

2. Tự luận: 50 %

MÔN TIN HỌC

I. Nội dung ôn tập.

Bài 11: Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu

Bài 12: Từ thuật toán đến chương trình

Bài 13: Biểu diễn dữ liệu

II. Một số câu hỏi tham khảo.

A. Trắc nghiệm

Câu 1: Với trường hợp nhân vật di chuyển theo đường đi là một tam giác đều thì góc quay của nhân vật khi đi hết một cạnh là?

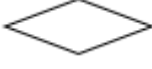
- A. 360° B. 90° C. 120° D. 0°

Câu 2: Có bao nhiêu cấu trúc điều khiển trong môi trường lập trình trực quan?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3: Thuật toán là gì?

- A. Dây các thao tác cần thực hiện theo 1 trình tự xác định để thu được kết quả cần thiết từ những điều kiện cho trước.
B. Một thao tác cần thực hiện để thu được kết quả cần thiết từ những điều kiện cho trước.
C. Dây các thao tác cần thực hiện để thu được kết quả cần thiết từ những điều kiện cho trước.
D. Tất cả đều sai

Câu 4: Ý nghĩa của hình  trong sơ đồ khối là:

- A. Bắt đầu/Kết thúc chương trình. B. Điều kiện rẽ nhánh.
C. Xử lý/Tính toán/Gán. D. Trả về giá trị.

Câu 5: Thuật toán so sánh hai giá trị có thể được mô tả dưới dạng:

- A. Cấu trúc lặp. B. Cấu trúc dữ liệu.
C. Cấu trúc rẽ nhánh. D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 6: Trong chương trình Scratch, nhóm lệnh nào dùng để tạo biểu thức?

- A. Nhóm lệnh Sự kiện. B. Nhóm lệnh Hiển thị.
C. Nhóm lệnh Các biến số. D. Nhóm lệnh Các phép toán.

Câu 7: Kịch bản điều khiển một nhân vật có thể được mô tả dưới dạng nào?

- A. Thuật toán. B. Văn bản. C. Video. D. Hình ảnh.

Câu 8: Cấu trúc lặp có mấy dạng?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 9: Có mấy cách mô tả thuật toán?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Bản mẫu được lưu dưới dạng một tệp có phần mở rộng là .potx.
B. Bản mẫu không gợi ý các nội dung cần có cho bài trình chiếu.
C. Bản mẫu giúp bài trình chiếu có giao diện thống nhất, chuyên nghiệp mà không tốn thời gian.
D. Các bản mẫu được sắp xếp theo các chủ đề để người dùng dễ lựa chọn.

Câu 11: Các thao tác có thể thực hiện với bản mẫu là gì?

- A. Chia sẻ, tái sử dụng, tạo mới. B. Chỉnh sửa, chia sẻ, tạo mới.
C. Chỉnh sửa, chia sẻ, tái sử dụng. D. Tạo mới, chỉnh sửa, tái sử dụng.

Câu 12: Ý nghĩa của hình  trong sơ đồ khối là gì?

- A. Bắt đầu/Kết thúc chương trình. B. Điều kiện rẽ nhánh.
C. Xử lý/Tính toán/Gán. D. Lệnh vào, lệnh ra.

Câu 13: Chương trình máy tính là gì?

- A. Các lệnh trong chương trình được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.
B. Các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
C. Là bước thực hiện công việc đó.
D. Các bước của thuật toán được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.

Câu 14: Biến là gì?

- A. Là các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
 B. Là một vùng trong bộ nhớ, được đặt tên và được dùng để lưu trữ dữ liệu khi thực hiện chương trình.
 C. Là đại lượng có giá trị không đổi trong quá trình thực hiện chương trình.
 D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 15: Hằng là gì?

- A. Là các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
 B. Là một vùng trong bộ nhớ, được đặt tên và được dùng để lưu trữ dữ liệu khi thực hiện chương trình.
 C. Là đại lượng có giá trị không đổi trong quá trình thực hiện chương trình.
 D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 16: Biến nhận dữ liệu kiểu nào?

- A. Kiểu số. B. Kiểu chữ. C. Kiểu logic. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 17: Đây là dữ liệu kiểu số?

- A. Số nguyên, số thực, số tự nhiên,... B. Dãy kí tự.
 C. Đúng (true), sai (false). D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 18: Đây là dữ liệu kiểu chữ?

- A. Số nguyên, số thực, số tự nhiên,... B. Dãy kí tự.
 C. Đúng (true), sai (false). D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 19: Đây là dữ liệu kiểu logic?

- A. Số nguyên, số thực, số tự nhiên,... B. Dãy kí tự.
 C. Đúng (true), sai (false). D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 20: Biểu thức là gì?

- A. Là các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
 B. Là một vùng trong bộ nhớ, được đặt tên và được dùng để lưu trữ dữ liệu khi thực hiện chương trình.
 C. Là đại lượng có giá trị không đổi trong quá trình thực hiện chương trình.
 D. Là sự kết hợp của biến, hằng, dấu ngoặc, phép toán và các hàm để trả lại giá trị thuộc một kiểu dữ liệu nhất định.

Câu 21: Bạn Khoa muốn tạo chương trình tính quãng đường đi của một phương tiện dựa trên vận tốc và thời gian theo công thức $s = v \times t$. Bạn cần sử dụng các biến nào?

- A. Sử dụng 2 biến v và t để lưu giá trị vận tốc và thời gian.
 B. Sử dụng 2 biến s và t để lưu giá trị quãng đường và thời gian.
 C. Sử dụng 2 biến s và v để lưu giá trị quãng đường và vận tốc.
 D. Sử dụng 3 biến s , v , t để lưu giá trị quãng đường, vận tốc và thời gian.

Câu 22: Trong môi trường lập trình trực quan, thuật toán kiểm tra tính chẵn lẻ của một số tự nhiên có thể được mô tả bằng cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc lặp có điều kiện kết thúc. B. Cấu trúc lặp vô hạn.
 C. Cấu trúc rẽ nhánh dạng khuyết. D. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đầy đủ.

B. Tự luận:

Câu 1: Trình bày đặc điểm của các cấu trúc điều khiển trong ngôn ngữ lập trình trực quan?

Câu 2: Nêu các khái niệm: chương trình, biến, hằng, biểu thức

Câu 3: Em hãy nêu các phép toán logic trong ngôn ngữ lập trình Scratch.

Câu 4: Trong ngôn ngữ lập trình Scratch, có bao nhiêu khối lệnh lặp?

Câu 5: Giả sử em cần xây dựng một trò chơi trên máy tính. Trong trò chơi, em cần tìm một số bí mật mà máy tính đã lấy ngẫu nhiên trong khoảng từ 1 đến 100. Em được đoán nhiều lần cho đến khi đoán đúng số bí mật đó. Mỗi lần em đoán sai, máy tính sẽ cho em biết số em đoán là

nhỏ hơn hay lớn hơn số bí mật. Em hãy mô tả kịch bản của trò chơi đó dưới dạng một thuật toán.

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. NỘI DUNG:

1. Trắc nghiệm: Nội dung bài 9,10

2. Tự luận:.

Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1. Hãy nêu hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

Câu 2. Theo em, lao động có ý nghĩa gì đối với cá nhân và xã hội?

Câu 3. Pháp luật đã quy định như thế nào về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân?

Câu 4. Gần ngày tết Nguyên đán, bạn M được người anh họ cho một bánh pháo để đốt. Bạn M nói với bạn T: “Tớ với cậu đốt pháo cho vui đi!”. Nghe xong, bạn T liền bảo: “Pháp luật đã cấm đốt pháo rồi mà, chúng mình đốt pháo là vi phạm pháp luật đấy”. Bạn M đáp: “Sao cậu máy móc thế? Ngày Tết cũng phải có tiếng nổ cho vui nhà vui xóm chứ!”. Cả hai tranh luận qua lại vì ý kiến trái ngược nhau.

a. Nếu bạn M thực hiện hành vi đốt pháo thì có thể dẫn đến những hậu quả gì?

b. Em có lời khuyên như thế nào đối với bạn M?

Câu 5. Công dân có trách nhiệm gì trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?

MÔN ÂM NHẠC

A. Mục tiêu

1. Kiến thức: Ôn tập chủ đề 6.7 (Gồm 2 nội dung: Hát, đọc nhạc)

2- Kỹ năng

- HS biết trình bày bài hát ở các hình thức
- Kỹ năng đọc tập đọc nhạc, ghép lời, gõ theo âm hình tiết tấu
- Thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết thể hiện theo bộ gõ cơ thể.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc trong kiểm tra
- Có thái độ yêu thích và coi trọng môn âm nhạc.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Phát triển năng lực hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo, ứng dụng âm nhạc.

B. Nội dung :

1. Ôn tập phần học hát: Gồm bài hát

- *Bay cao tiếng hát ước mơ*
- *Cánh én tuổi thơ*

(yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát)

2. Ôn tập các bài đọc nhạc số 5.6

(Yêu cầu: đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca, biết gõ đệm theo âm hình tiết tấu)

MÔN THỂ DỤC

Chủ đề: Chạy cự ly ngắn

- Ôn các động tác bổ trợ.
- Ôn kỹ thuật xuất phát thấp chạy nhanh 100m.

MÔN MỸ THUẬT

Tranh áp phích

MÔN NGŨ VĂN

I. NỘI DUNG:

1. Phần Đọc - Thực hành Tiếng Việt:

- **Đọc:** Các văn bản thuộc thể loại: truyện hiện đại, thơ tự do, văn bản nghị luận văn học.

- Thực hành tiếng Việt:

- + Trợ từ, thán từ, các thành phần biệt lập (thành phần tình thái, thành phần cảm thán, thành phần gọi- đáp, thành phần chêm xen)
- + Biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ.....
- + Nghĩa của từ
- + Lựa chọn cấu trúc câu

2. Phần Viết:

- Viết đoạn văn phân tích một tác phẩm (truyện)
- Viết đoạn văn phân tích một đoạn / một bài thơ tự do
- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.
- * Yêu cầu:
- Đối với phần đọc: Nắm vững tri thức thuộc thể loại
- Đối với phần thực hành Tiếng Việt : Nắm vững đặc điểm, công dụng, cách vận dụng các kiến thức tiếng Việt đã học.
- Đối với phần Viết: Nắm vững cấu trúc, kỹ năng viết bài văn.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI

PHẦN I. ĐỌC-HIỆU (4.0 điểm).

Đọc văn bản sau:

HIU HIU GIÓ BẮC

(Trích)

Tóm lược truyện: “*Hiu hiu gió bắc*” kể về anh Hết, một người đàn ông nghèo khó nhưng hiếu thảo, sống lầm lũi nuôi cha già và ôm trọn nỗi đau tình yêu. Anh từng yêu chị Hoài, nhưng vì nghèo, anh chấp nhận buông tay để chị lấy chồng, rồi chìm đắm trong những ván cờ tướng. Dù vậy, trong xóm nhỏ vẫn có chị Hảo lặng lẽ chờ đợi anh, hy vọng anh sẽ nguôi ngoai nỗi buồn quá khứ để mở lòng đón nhận tình cảm mới.

“Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hồn hào, lười biếng, má nó biếu: “Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương”.

[..] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm.

Ông già khó tính, thêm tật lẳng tai. [...] Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tìm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro.

[..] Bữa nào anh Hết cũng chống mõng thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mòn, để bụng đói ngời ngù gà gật. Người ở xóm biếu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng àng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mò coi má từ mới lọt lòng. [...] Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, “Chớ ầu ơ. Cây khô đâu dễ mọc chồi”. Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đầu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thẳng con đầu xanh chạy cả tung đuôi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị đánh đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì [...]

(Trích theo fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Chú thích

- (1) Tía: Từ ngữ xưng hô chỉ cha, phổ biến trong phương ngữ Nam Bộ.
- (2) Sỏi: khỏe mạnh, dẻo dai.
- (3) Lãng tai: Tình trạng nghe không rõ, tai bị giảm thính lực (người già hay mắc phải).
- (4) Lửa tấp: lửa bén nhanh và cháy mạnh
- (4) Biểu: Từ dùng trong phương ngữ Nam Bộ, nghĩa là "nói rằng" hoặc "bảo".
- (5) Lộ: Đường đi (thường chỉ đường lớn, đường cái).
- (6) Hát bội: Loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống, phổ biến ở miền Nam Việt Nam, thường biểu diễn những vở tuồng cổ.

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. (0.5 điểm) Nội dung văn bản trên thuộc đề tài nào?

Câu 2. (0.5 điểm) Tìm 1 câu văn có chi tiết nói lên tình yêu thương của người cha anh Hết dành cho con.

Câu 3. (1.0 điểm). Câu mà những bà mẹ nói về anh Hết với những đứa trẻ hồn hào, lười biếng “Lại coi thẳng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương” nhằm mục đích gì?

Câu 4. (1.0 điểm). Việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu “Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm” đã đem lại hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

Câu 5. (1.0 điểm). Không chỉ những bà mẹ trong văn bản mà nhiều ông bố bà mẹ trong các gia đình vẫn hay so sánh và khen “con nhà người ta”. Theo em, là con cái nên xử sự như thế nào trước việc cha mẹ mình cũng thường như vậy? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm). Viết đoạn văn (độ dài khoảng 200 chữ) phân tích tâm lòng hiếu thảo của nhân vật anh Hết trong đoạn trích phần đọc hiểu.

Câu 2. (4.0 điểm).

“ Gia đình là một món quà - thứ luôn tồn tại mãi mãi.” (Terri Buritt)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) để làm sáng tỏ nhận định trên.

MÔN TIẾNG ANH

A.VOCABULARY:

- Unit 7: Environmental protection
- Unit 8: Shopping
- Unit 9: Natural disasters
- Unit 10: Communication in the future
- Unit 11: Science and technology
- Unit 12: Life on other planets

B. GRAMMAR

- Complex sentences with adverbs clauses of time
- Adverbs of frequency, present simple for future events
- Past continuous
- Prepositions of place and time, possessive pronouns
- Reported speech: questions and statements

- Question 14.** A. careful B. carefully C. care D. carelessly
Question 15. A. under B. for C. at D. in
Question 16. A. X (no article) B. the C. an D. a

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 17 to 18.

Question 17. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Creating an email is quick and easy! _____.

- a. Enter the recipient's address, add a subject line, then write your message in the body of the email.
 b. After that, click the "Compose" button to start a new message.
 c. First, open your email provider, like Gmail or Yahoo and log on to your account.
 A. c-a-b B. a-c-b C. c-b-a D. b-c-a

Question 18. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in Question 17).

- A. Don't forget to check your email for any errors before sending it to your recipient.
 B. By following these steps, you can improve your writing skill.
 C. You're now ready to check your mailbox every day.
 D. Finally, click the "Close" button to send your email.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 24.

Why should we teach science to (19) _____ in schools? Why do many schools teach STEM subjects? One reason is every day children can see the benefits of science and technology around them, so they can be (20) _____ the role that science plays in their everyday life. Secondly, when children learn science, they will learn to think in (21) _____, to search for the answers and to give reasons. In other words, students can (22) _____ both knowledge of science as well as critical thinking and problem-solving skills. These will be important in their future work and studies. Moreover, if children learn science at an early age, they (23) _____ more ready to get involved in science-related fields when they (24) _____.

- Question 19.** A. adults B. children C. teachers D. workers
Question 20. A. successful in B. addicted to C. famous for D. aware of
Question 21. A. a scientific way B. science way
 C. a scientific ways D. a way of scientific
Question 22. A. mark B. create C. serve D. gain
Question 23. A. are B. would be C. will be D. were
Question 24. A. get up B. stand up C. grow up D. make up

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is CLOSEST in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25. He told me, "I am studying computing in college this year."

- A. He told me that he was studying computing in college that year.
 B. He told me that I was studying computing in college that year.
 C. He told me that I am studying computing in college that year.
 D. He told me that he was studying computing in college this year.

Question 26. During their dinner time, a sudden storm hit their town.

- A. When they are having dinner, a sudden storm hit their town.
 B. When they were having dinner, a sudden storm hit their town.
 C. During they were having dinner, a sudden storm hit their town.
 D. As soon as they had dinner, a sudden storm hit their town.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27. I/ usually/ not eat/ it/ unhealthy/.

- A. I don't eat usually junk food because it is unhealthy.
- B. I am not usually eat junk food because it is unhealthy.
- C. I don't usually eat junk food because it is unhealthy.
- D. I don't usually eat junk food because of it is unhealthy.

Question 28. teacher/ asked/ Linh/ how often/ visit/ grandparents/.

- A. The teacher asked Linh how often did she visit her grandparents.
- A. The teacher asked to Linh how often she visited her grandparents.
- A. The teacher asked Linh how often she visits her grandparents.
- D. The teacher asked Linh how often she visited her grandparents.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29. What does the sign say?



- A. You are allowed to enter and exit through this door.
- B. This door is only for entering and not for exiting.
- C. This door is used for both entering and exiting purposes.
- D. This door is locked and cannot be used.

Question 30. What does the notice say?



- A. You can buy burgers and chips today only.
- B. Chips and burgers are free today.
- C. Every burger is served with chips except today.
- D. If you buy a burger today, you will get chips for free.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

Nobody knows how many planets there are in our galaxy and whether there is life on other planets. And the Kelper has the mission to find the answer to those questions.

In 2009, NASA launched the Kelper space telescope to **find** planets that support life. It has discovered five new Earth-sized planets beyond our solar system so far. These planets are hotter than the Earth. The Kelper team predicted that it will take them at least three years to find an Earth-like planet. This mission costs about six hundred million dollars.

The simplest requirement for a planet to have life is water (not frozen or gas), so the distance from the planet's sun and therefore temperature is important. The planet also needs a certain amount of air. If a planet is as small as Mars (half the size of Earth), it can't hold on to air molecules because of weak gravity. If a planet is four times bigger than Earth - Neptune size - it has very **strong** gravity and too much air. Therefore, the size of those planets also matter.

Question 31: What is the mission of the Kelper?

- A. To answer the questions about the Earth.
- B. To build an Earth-like planet.
- C. To find life on other planets.
- D. To train NASA astronauts.

Question 32: How many Earth-sized planets has Kepler discovered so far?

- A. Five.
- B. Four
- C. Three
- D. None

Question 33: Which is NOT mentioned as a requirement for a planet that supports life?

- A. size B. water C. air D. age

Question 34: Which is CLOSEST in meaning to the phrase "**find**" in the second paragraph?

- A. invent B. transmit C. protect D. discover

Question 35: Which is OPPOSITE in meaning to the word "**important**" in the third paragraph?

- A. normal B. weak C. great D. medium

Question 36: What is the best title for this text?

- A. The solar system
B. Life on the Earth
C. Requirements for life on other planets
D. The stories about Kelper

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.

Nowadays, teenagers seem to communicate with their peers (37) _____ than in person. They chat with their friends using messaging applications and instant messages. They chat about almost everything, (38) _____. Their conversations tend to be short, but (39) _____. Many teenagers prefer this way of communicating to talking face to face. They say that it is more convenient and they can do many things while chatting. (40) _____ with several friends and playing their favourite games at the sametime.

- A. it can last for hours
B. They may be exchanging social networking sites
C. from homework and games to music trends
D. more on electronic devices

Question 37. _____ **Question 38.** _____ **Question 39.** _____ **Question 40.** _____

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

Hệ thống kiến thức:

Chủ đề 3: Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường thành phố Hà Nội

Bài 7 : Sử dụng hợp lí các dạng địa hình của thành phố Hà Nội

Bài 8 : Một số vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu ở thành phố Hà Nội

Chủ đề 4: Làng nghề ở Hà Nội

Bài 10: Khái quát về làng nghề ở Hà Nội

Bài 11: Tìm hiểu và giới thiệu du lịch làng nghề truyền thống ở Hà Nội

II. CÂU HỎI THAM KHẢO:

Câu 1: Kể tên các dạng địa hình của thành phố Hà Nội. Trình bày giá trị, hiện trạng khai thác và sử dụng địa hình đồng bằng và địa hình đồi núi ở Hà Nội.

Câu 2 : Hãy nêu các nguồn gây ô nhiễm ở Hà Nội.

Câu 3 : Hãy nêu khái niệm về làng nghề, nghề truyền thống.

Câu 4 : Trong quá trình phát triển du lịch, làng nghề truyền thống ở địa phương em có những thuận lợi và khó khăn gì?

Câu 5 : Địa phương em đã thực hiện những hoạt động nào để quảng bá du lịch làng nghề, sản phẩm làng nghề tới du khách trong và ngoài nước. Hãy nêu những hoạt động đó.

MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập:

Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường

Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp
Chủ đề 9: Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề
Phần 2. Hình thức ra đề:

- 100% tự luận

Phần 3. Một số câu hỏi ôn tập:

Câu 1. Em hãy nêu cách bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

Câu 2. Em hãy nêu những biện pháp đề phòng rủi ro nếu bão xảy ra ở địa phương em.

Câu 3. Em hãy kể tên một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. Em hãy chọn một nghề và nêu một số thông tin về nghề đó: Các công việc đặc trưng của nghề; trang thiết bị, dụng cụ lao động của nghề; điều kiện làm việc; những thách thức của nghề đó.

Câu 4. Em hãy nêu những việc em đã làm để rèn luyện những phẩm chất, năng lực của bản thân cho phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại.

MÔN TOÁN

PHẦN I. TÓM TẮT NỘI DUNG KIẾN THỨC

A. Thống kê và xác suất

Chương VI. Một số yếu tố thống kê và xác suất

- Thu thập và phân loại dữ liệu.
- Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.
- Phân tích và xử lý dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.
- Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản.
- Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản.
- Cách giải phương trình bậc nhất. Ứng dụng phương trình bậc nhất.

B. Hình học

Chương IX. Tam giác đồng dạng. Hình đồng dạng

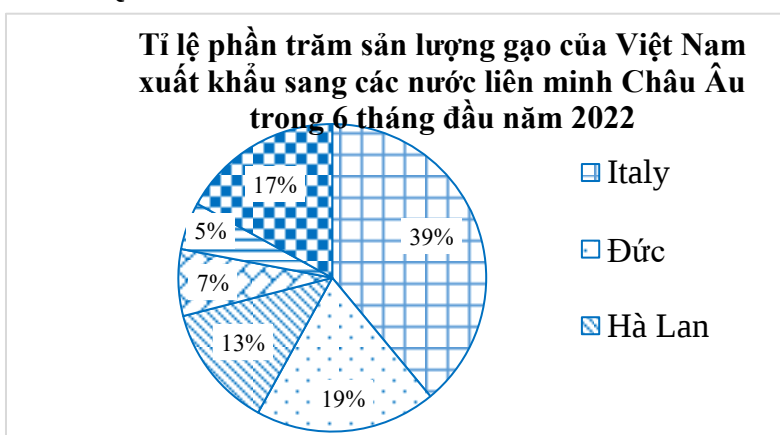
- Định lý Thalès và ứng dụng trong tam giác.
- Đường trung bình của tam giác.
- Tính chất đường phân giác của tam giác.
- Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, hai tam giác vuông.

PHẦN II. MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP THAM KHẢO

A. Bài tập trắc nghiệm

Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Quan sát biểu đồ sau:



Sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Italy gấp mấy lần sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Ba Lan?

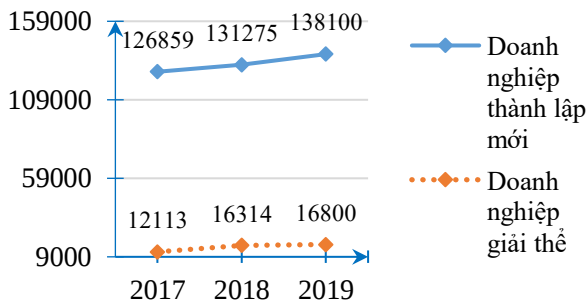
- A. 7,8 lần.
- B. 7 lần.
- C. 8,7 lần.
- D. 8 lần.

Câu 2. Quan sát biểu đồ sau:

Trong giai đoạn 2017 – 2019:

- A. Số doanh nghiệp thành lập mới và giải thể đều giảm.
- B. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh hơn số doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới và giải thể của Việt Nam giai đoạn 2017 - 2019

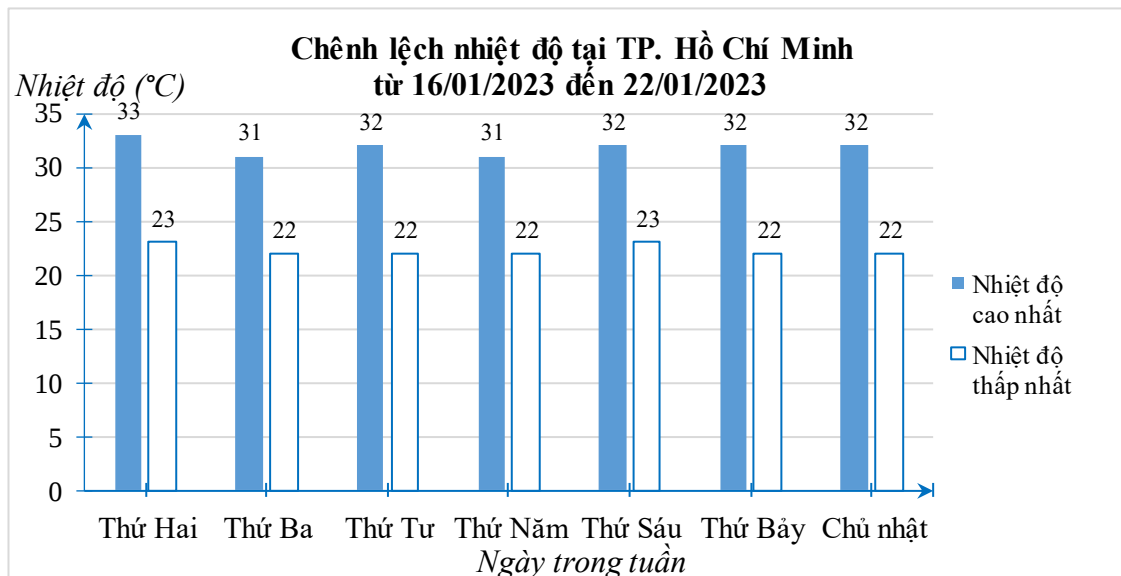


giải thể.

C. Số doanh nghiệp giải thể tăng nhanh hơn số doanh nghiệp thành lập mới.

D. Số doanh nghiệp thành lập mới giảm, số doanh nghiệp giải thể tăng.

Câu 3. Quan sát biểu đồ sau:



(Nguồn : Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia)

Ngày nào sau đây chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trong tuần của TP. Hồ Chí Minh là 9°C?

A. Thứ Năm. B. Thứ Bảy. C. Chủ nhật. D. Thứ Hai.

Câu 4. Biểu đồ dưới đây thể hiện số sách trong thư viện của một lớp.

Môn học	Số sách
Toán	      
Ngữ văn	   
Tin học	 
Lịch sử và Địa lí	 
Khoa học tự nhiên	     
 : 2 quyển sách	

Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Số sách Toán trong thư viện là 7 quyển.
 B. Số sách Ngữ Văn nhiều hơn số sách Tin học là 2 quyển.
 C. Tổng số sách trong thư viện là 21 quyển.
 D. Số sách Khoa học tự nhiên nhiều hơn số sách Lịch sử và Địa lí là 8 quyển.

Sử dụng nội dung sau để trả lời các câu hỏi **Câu 9**, **Câu 10** và **Câu 11**.

Một hộp chứa 6 tấm thẻ như nhau được đánh số từ 3 đến 8. Rút ngẫu nhiên một tấm thẻ từ hộp.

Câu 5. Có bao nhiêu kết quả có thể?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 8.

Câu 6. Có bao nhiêu kết quả thuận lợi của biến cố “Rút được tấm thẻ đánh số chẵn”?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 8.

Câu 7. Có bao nhiêu kết quả thuận lợi của biến cố “Rút được tấm thẻ đánh số chia hết cho 3”?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Sử dụng nội dung sau để trả lời các câu hỏi **Câu 12**, **Câu 13** và **Câu 14**.

Tổ Cường có 13 bạn, gồm có 8 bạn nam và 5 bạn nữ, trong đó có 3 bạn nam và 1 bạn nữ tham gia vào câu lạc bộ thể thao. Chọn ngẫu nhiên 1 bạn từ tổ.

Câu 8. Xác suất của biến cố “Bạn được chọn có tham gia câu lạc bộ thể thao” là

- A. $\frac{4}{13}$. B. $\frac{5}{13}$. C. $\frac{8}{13}$. D. $\frac{1}{13}$.

Câu 9. Xác suất của biến cố “Bạn được chọn là bạn nữ tham gia vào câu lạc bộ thể thao” là

- A. $\frac{4}{13}$. B. $\frac{5}{13}$. C. $\frac{8}{13}$. D. $\frac{1}{13}$.

Câu 10. Xác suất của biến cố “Bạn được chọn là bạn nam không tham gia câu lạc bộ thể thao” là

- A. $\frac{4}{13}$. B. $\frac{5}{13}$. C. $\frac{8}{13}$. D. $\frac{1}{13}$.

Sử dụng nội dung sau để trả lời các câu hỏi **Câu 15** và **Câu 16**.

Phỏng vấn 200 bạn sinh viên về một quyển sách thì có 40 bạn sinh viên thích quyển sách này.

Câu 11. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Một bạn sinh viên thích quyển sách” là

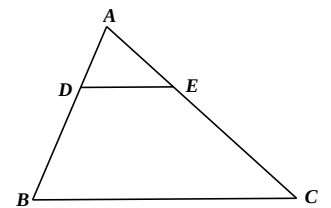
- A. 20%. B. 30%. C. 15%. D. 40%.

Câu 12. Phỏng vấn ngẫu nhiên thêm 60 bạn sinh viên. Dự đoán trong 60 bạn sinh viên được phỏng vấn, số sinh viên thích quyển sách là

- A. 20. B. 12. C. 15. D. 10.

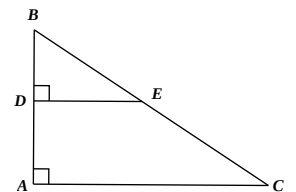
Câu 13. Cho hình bên, trong đó $DE \parallel BC$, $AD = 12$ cm, $DB = 18$ cm và $CE = 30$ cm. Độ dài AC là

- A. 20 cm. B. $\frac{18}{25}$ cm. C. 50 cm. D. 45 cm.



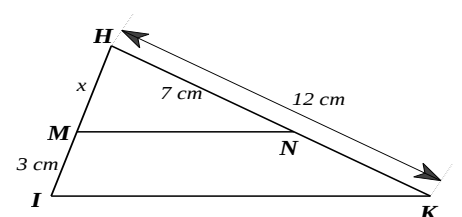
Câu 14. Cho hình bên. Tỷ lệ thức nào sau đây là đúng?

- A. $\frac{BD}{AD} = \frac{BE}{BC}$. B. $\frac{BD}{AD} = \frac{BE}{EC}$.
C. $\frac{DE}{AC} = \frac{BC}{BE}$. D. $\frac{AD}{AB} = \frac{BC}{EC}$.



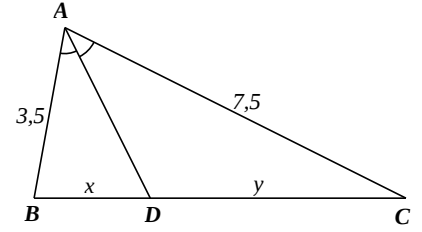
Câu 15. Cho hình bên, biết $MN \parallel IK$. Giá trị của x là

- A. $x = 4,2$ cm. B. $x = 2,5$ cm.
C. $x = 7$ cm. D. $x = 5,25$ cm.



Câu 16. Cho hình bên. Tỉ số $\frac{x}{y}$ bằng

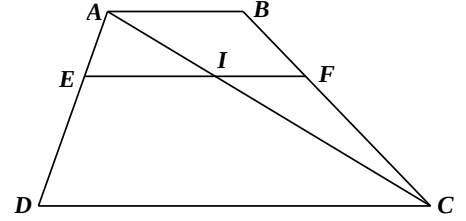
- A. $\frac{7}{15}$. B. $\frac{1}{7}$. C. $\frac{15}{7}$. D. $\frac{1}{15}$.



Câu 18. Cho hình thang $ABCD$ ($AB \parallel CD$) có $BC = 15$ cm. Điểm E thuộc cạnh AD sao cho $\frac{AE}{AD} = \frac{1}{3}$.

Đường thẳng $EF \parallel CD$ ($F \in BC$) (hình vẽ). Độ dài BF là

- A. 15 cm. B. 5 cm. C. 10 cm. D. 7 cm.
- Câu 19.** Cho $\triangle ABC$, I, K lần lượt là trung điểm của AB và AC . Biết $BC = 8$ cm. Độ dài IK là
- A. 4 cm. B. 4,5 cm. C. 3,5 cm. D. 14 cm.



B. Bài tập tự luận

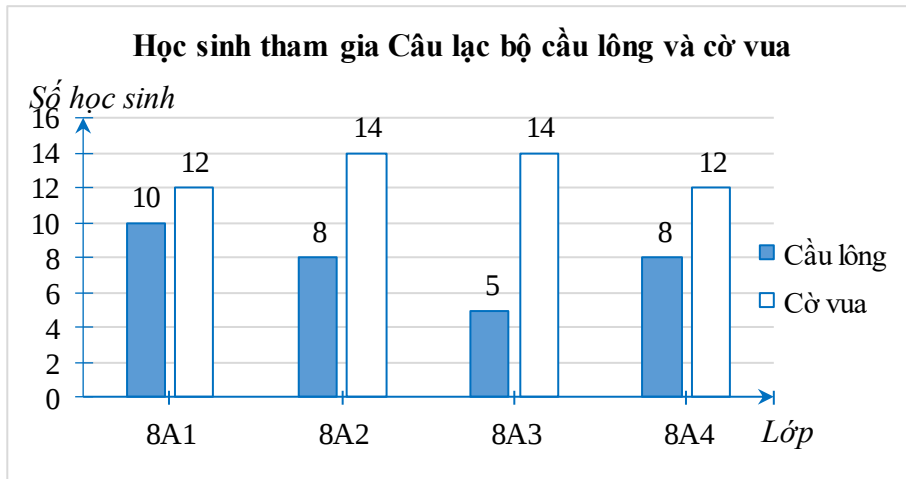
1. Một số yếu tố thống kê và xác suất

Dạng 1. Các bài toán về thống

Bài 1. Một cửa hàng quần áo đưa ra chương trình khuyến mãi giảm giá một số mặt hàng sau: Quần âu giảm giá 25%; Áo sơ mi giảm 35%; Áo khoác giảm 20%; Quần Jean giảm 10%.

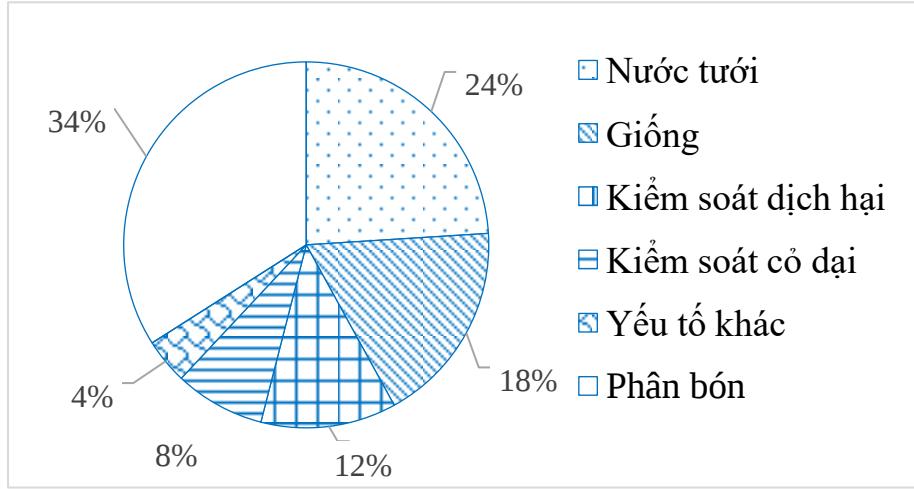
- a) Trong các mặt hàng trên, sản phẩm nào được giảm giá nhiều nhất, ít nhất và với mức giảm giá bao nhiêu phần trăm?
- b) Bạn An đã biểu diễn tỉ lệ giảm giá của các mặt hàng trên bằng biểu đồ hình quạt tròn. Biểu đồ An sử dụng có phù hợp không?
- c) An nên dùng biểu đồ nào để biểu diễn? Hãy vẽ biểu đồ đó.

Bài 2. Hình dưới đây thể hiện số lượng học sinh tham gia đăng kí hai Câu lạc bộ cầu lông và cờ vua của trường:



- a) Lập bảng thống kê cho biểu đồ trên.
- b) Cho biết sự khác nhau về việc tham gia đăng kí hai Câu lạc bộ cầu lông và cờ vua của hai lớp 8A3 và 8A4.
- c) Nếu lớp 8A1 có số lượng học sinh tham gia Câu lạc bộ cầu lông chiếm 25% tổng số học sinh cả lớp. Hãy tính xem lớp 8A1 có bao nhiêu học sinh.
- d) Hãy so sánh tổng số học sinh tham gia Câu lạc bộ cầu lông và Câu lạc bộ cờ vua.

Bài 3. Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn tỉ lệ các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng như: *Phân bón, Nước tưới, Giống, Kiểm soát dịch hại, Kiểm soát cỏ dại, Yếu tố khác*.



- Cho biết yếu tố nào ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng nhiều nhất?
- Trong các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây thì yếu tố kiểm soát dịch hại gấp mấy lần yếu tố khác?
- Vấn đề tưới nước cho cây cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng. Em hãy đề xuất một vài biện pháp khắc phục tình trạng trên để làm giảm thiệt hại trong việc trồng trọt.

Dạng 2. Các bài toán về xác suất

Bài 1. Một túi đựng bút tô màu của bé Mai có 5 chiếc bút màu vàng, 3 chiếc bút màu cam, 4 chiếc bút màu xanh và 2 chiếc bút màu tím (các chiếc bút có cùng khối lượng và kích thước). Bé Mai lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ trong túi. Tính xác suất của các biến cố sau:

- “Lấy được chiếc bút màu tím”;
- “Lấy được chiếc bút màu cam hoặc màu xanh”;
- “Không lấy được chiếc bút màu vàng”;
- “Lấy được chiếc bút màu vàng”.

Bài 2. Bác bảo vệ theo dõi số khách đến cơ quan mỗi ngày trong một tháng. Kết quả thu được như bảng sau:

Số khách	0	1	2	3	4	5	6	7
Số ngày	3	6	5	9	3	2	1	1

- Gọi A là biến cố “Trong một ngày có từ 3 khách trở lên đến cơ quan”. Hỏi có bao nhiêu ngày biến cố A xảy ra?
- Tính xác suất thực nghiệm của biến cố A.
- Hãy ước lượng xác suất của biến cố B: “Trong một ngày có số khách đến cơ quan là số lẻ”.

Bài 3. Một công ty chế biến hạt điều đã thống kê các loại hạt điều thu hoạch được như bảng sau:

Loại hạt điều	Loại 1	Loại 2	Loại 3
Khối lượng thu hoạch được	1 450	2 230	1 860

- Hãy tính xác suất thực nghiệm của các biến cố sau (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ tư):
 - “Hạt điều đạt loại 1”;
 - “Hạt điều đạt loại 2 và loại 3”.
- Công ty lấy ngẫu nhiên 100 kg hạt điều chưa phân loại và tiến hành phân loại. Em hãy dự đoán xem có bao nhiêu kilôgam hạt điều loại 1?

Dạng 2. Phương trình bậc nhất**Bài 1.** Giải các phương trình sau :

- a) $4x - 10 = 0$. b) $7 - 3x = 9 - x$. c) $2x - (3 - 5x) = 4(x + 3)$.
- d) $5 - (6 - x) = 4(3 - 2x)$. e) $4(x + 3) = -7x + 17$. f) $5(x - 3) - 4 = 2(x - 1) + 7$.

Bài 2. Giải các phương trình sau:

- a) $\frac{2x-1}{5} - \frac{x-2}{3} = \frac{x+7}{15}$ b) $\frac{x+3}{2} - \frac{x-1}{3} = \frac{x+5}{6} + 1$
- c) $\frac{2(x+5)}{3} + \frac{x+12}{2} - \frac{5(x-2)}{6} = \frac{x}{3} + 11$ d) $\frac{x-4}{5} + \frac{3x-2}{10} - x = \frac{2x-5}{3} - \frac{7x+2}{6}$
- e) $\frac{2(x-3)}{7} + \frac{x-5}{3} = \frac{13x+4}{21}$ f) $\frac{3x-1}{2} - \left(x - \frac{1}{4}\right) = \frac{4x-9}{8}$.

Bài 3. Giải các phương trình sau (biến đổi đặc biệt)

- a) $\frac{x+1}{65} + \frac{x+3}{63} = \frac{x+5}{61} + \frac{x+7}{59}$ b) $\frac{x+29}{31} + \frac{x+27}{33} = \frac{x+17}{43} + \frac{x+15}{45}$
- c) $\frac{x+6}{1999} + \frac{x+8}{1997} = \frac{x+10}{1995} + \frac{x+12}{1993}$ d) $\frac{1909-x}{91} + \frac{1907-x}{93} + \frac{1905-x}{95} + \frac{1903-x}{97} + 4 = 0$

Dạng 4: Ứng dụng phương trình bậc nhất

Bài 1. Một phân số có tử số bé hơn mẫu số là 12. Nếu tăng tử số lên 2 đơn vị và giảm mẫu số 6 đơn vị thì ta được phân số bằng $\frac{7}{11}$. Tìm phân số đã cho.

Bài 2. Một ô tô đi từ A đến B mất 3 giờ. Nếu nó đi với vận tốc nhỏ hơn 10km/h thì nó sẽ mất nhiều thời gian hơn là 30 phút. Tính quãng đường AB.

Bài 3. Trên một quãng đường AB dài 200 km có hai xe đi ngược chiều nhau, xe 1 khởi hành từ A đến B, xe 2 khởi hành từ B đến A. Hai xe khởi hành cùng một lúc và sau 2 giờ gặp nhau. Tính vận tốc của mỗi xe, biết xe 2 đi nhanh hơn xe 1 là 10 km.

Bài 4. Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc trung bình 30 km. Lúc về người đó đi với vận tốc trung bình 20 km, nên thời gian về nhiều hơn thời gian đi là 15 phút. Tính độ dài quãng đường AB

Bài 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 240m, biết chiều dài gấp ba lần chiều rộng. Hãy tính chiều dài và chiều rộng của mảnh đất.

Bài 6. Cho tam giác ABC vuông tại A, biết cạnh nhỏ của cạnh góc vuông nhỏ hơn cạnh góc vuông kia 2cm và độ dài cạnh huyền là 10cm. Tính độ dài cạnh nhỏ của cạnh góc vuông

Phần 2. Hình học

Bài 1. Cho tam giác ABC có $AB < AC$. Tia phân giác BAC cắt cạnh BC tại điểm D. Gọi M là trung điểm của cạnh BC. Qua điểm M kẻ đường thẳng song song với đường thẳng AD cắt các đường thẳng AC, AB lần lượt tại E và K. Chứng minh rằng:

- a) Tam giác AEK cân. b) $\frac{AK}{EC} = \frac{DM}{MB}$. c) $BK = EC$.

Bài 2. Cho hình thang ABCD có hai đáy AB và CD. Gọi M là trung điểm của CD, E là giao điểm của MA và BD, F là giao điểm của MB và AC.

- a) Chứng minh rằng $EF \parallel AB$.
- b) Đường thẳng EF cắt AD, BC lần lượt tại H và N. Chứng minh $HE = EF = FN$.

Bài 3. Cho $\triangle ABC$ vuông tại A ($AB < AC$), đường cao AH .

- Chứng minh $\triangle ABH$ đồng dạng với $\triangle CBA$.
- Chứng minh $AH^2 = BH \cdot CH$.
- Lấy điểm I bất kì trên cạnh AB . Từ điểm H kẻ HK vuông góc với HI ($K \in AC$). Chứng minh $\triangle BHA$ đồng dạng với $\triangle IHK$.

Bài 4. Cho tam giác ABC , các đường cao BH và CN cắt nhau tại K .

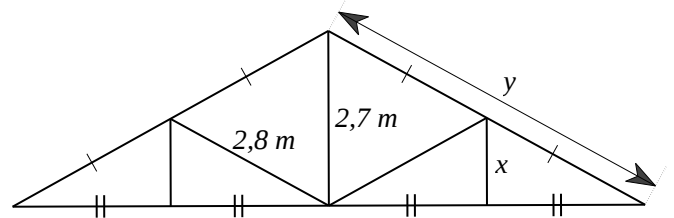
- Chứng minh rằng $\triangle ABH \sim \triangle ACN$.
- Chứng minh: $AB \cdot AN = AC \cdot AH$ và $\triangle ABC \sim \triangle AHN$.
- Chứng minh: $BC^2 = BH \cdot BK + CK \cdot CN$.

3. Một số bài toán thực tế liên quan đến hình học

Bài 1. Vì kèo mái tôn là một trong những bộ phận không thể thiếu trong cấu tạo mái nhà lợp tôn. Nó giúp chống đỡ và giảm trọng lực của những ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài tác động vào (Hình a).



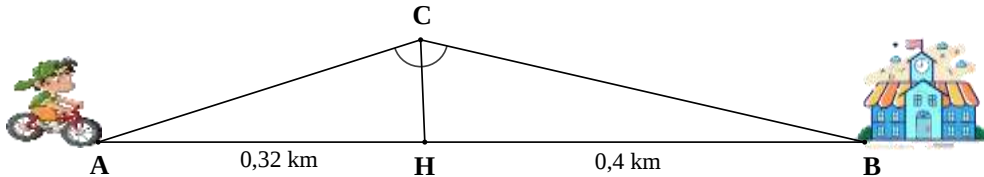
Hình a



Hình b

Một vì kèo mái tôn được vẽ lại như Hình b. Tính độ dài x của cây chống đứng bên và độ dài y của cánh kèo.

Bài 2. Lúc 6 giờ sáng, bạn Hải đi xe đạp từ điểm A đến trường (tại điểm B) phải leo lên và xuống một con dốc với đỉnh dốc tại điểm C (như hình vẽ).



Điểm H là một điểm thuộc đoạn thẳng AB sao cho CH đường là phân giác ACB , $AH = 0,32$ km và $BH = 0,4$ km. Biết bạn Hải đi xe đạp đến C lúc 6 giờ 30 phút với tốc độ trung bình lên dốc là 4 km/h. Hỏi bạn Hải đến trường lúc mấy giờ nếu tốc độ trung bình xuống dốc là 10 km/h?

Nơi nhận:

- GVCN khối 8;
- Lưu.



Phạm Thị Hải Vân